

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày 27 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Bình và bà Bàn Thị Hương
Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn Q (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 04/10/2004 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn H và bà Đặng Thị L. Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/4/2024, tạm giam từ ngày 07/5/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Thanh H1 - Luật sư Văn phòng L2, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị hại: Bùi Quốc T - sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn H và bà Đặng Thị L

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai

- Anh Nguyễn Quyết T1

Địa chỉ: TDP P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ông H bà L có mặt, anh T1 vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Trần Văn T2, chị Lưu Gia L1, anh Bùi Công T3, chị Bùi Thị Lệ T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè nên Lưu Gia N (sinh năm 2009, trú tại thôn G, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai) nhiều lần cho Trần Văn T2 (sinh năm 2006, trú tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai) vay tiền, T2 còn nợ N 26 triệu chưa trả. Ngày 27/4/2024, Lưu Gia L1 là chị gái N biết việc N cho T2 vay tiền nên L1 cùng chồng là anh Bùi Quốc T đến nhà T2 để hỏi về khoản tiền N đã cho T2 vay. Khoảng 18 giờ ngày 27/4/2024, Bùi Quốc T, Lưu Gia L1, Lưu Gia N cùng Nguyễn Quyết T1 và Bùi Công T3 điều khiển xe mô tô đến nhà Trần Văn T2. Khi đến nơi, cả nhóm để xe máy ở đường liên thôn rồi đi bộ vào sân nhà Trần Văn T2 thì gặp mẹ đẻ của T2 là bà Đặng Thị L. T hỏi “Đây có phải nhà T2 không”, bà L trả lời “phải”, rồi T gọi Thêm ra nói chuyện. Tại sân nhà bà L, T nói chuyện với T2 về các khoản tiền T2 đã vay của N, lúc này bà L nói nhóm của T lừa T2 và không đồng ý trả tiền, T nói sẽ mời công an giải quyết và cả nhóm đi về. Khi ra đến cổng, bà L đi theo và chửi "Tao tát vào mặt mày đấy", thấy vậy chị L1 nói lại "Cháu thách cô tát cháu đấy", bà L giơ tay lên định tát chị L1 thì anh T giơ tay lên đỡ dẫn đến L và T xô đẩy nhau ở sân cạnh cổng nhà. Lúc này, Trần Văn Q là anh trai của Trần Văn T2 đang đứng ở hè nhìn thấy hai người giằng co, nghĩ T sẽ đánh mẹ mình nên Q chạy vào nhà lấy 01 con dao mèo loại dao mũi nhọn dài 39cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao dài 25cm (dao vẫn để trong vỏ bao). Q rút dao ra khỏi vỏ bao, vút vỏ bao ở nền nhà rồi cầm dao bằng tay phải để phía sau lưng và chạy ra ngoài sân đến vị trí của T, cách T khoảng 02m thì đưa dao ra phía trước, lưỡi dao hướng dưới đất, mũi nhọn hướng phía trước. Q tiến đến từ phía sau bên phải bà L, đứng đối diện với T, khi cách T khoảng 0,5m thì vung dao đâm 01 nhát từ sau ra trước trúng vào mạn sườn eo trái của T rồi rút dao ra. Sau đó Q tiếp tục vung dao chém từ sau ra trước, từ trên xuống dưới, anh T giơ tay trái lên đỡ thì dao trúng vào tay trái anh T. Khi bị chém, anh T chạy về phía cửa bếp, Q nhìn thấy anh Nguyễn Quyết T1 chạy ngang qua nên vung dao chém trúng vai trái của anh T1. Sau đó ông Trần Văn H chạy đến can ngăn đẩy Q vào nhà, Q vút dao xuống nền nhà.

Đối với anh T, khi chạy về hướng cửa bếp thì bị chị Trần Thị N1 là chị gái Q lao vào ôm đẩy anh T ngã vào 02 xe máy dựng ở sân. Tiếp đó Trần Văn T2 chạy đến đâm 02 phát vào mặt anh T rồi chạy vào nhà. Anh T ngồi dậy định rút cọc tre chống bát ở sân để phòng vệ nhưng không rút được nên chạy về phía bếp thì bị bà L dùng gậy vút trúng khuỷu tay phải. Lúc này T cầm dao ở mặt bàn bếp thì chị L1 nhìn thấy và giật con dao trên tay anh T vút xuống đất. Sau đó anh T được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh L.

Tại bản kết luận giám định số 99/KLTTCT-TTPY ngày 04/5/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh L đối với thương tích của Bùi Quốc T kết luận:

Các kết quả chính: Vết thương cơ hoành bên trái đã phẫu thuật; Tổn thương màng phổi trái đã phẫu thuật; Gãy xương sườn số VIII bên trái; Vết mổ đường trắng giữa trên và dưới rốn kích thước (19x0,6)cm; Vết thương tại khoang liên sườn VII, VIII bên trái hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước kích thước (6,5x0,5)cm; Hố chậu trái còn vết mổ đặt dẫn lưu kích thước (0,7x0,5)cm; Vết xây xước da tại 1/3 giữa ngoài cẳng tay trái kích thước (0,2x0,3)cm; Đám bầm tím khuỷu tay phải trên diện (10x3)cm.

Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Quốc T tại thời điểm giám định là 32%. Cơ chế hình thành thương tích: Chấn thương trực tiếp. Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn. Kết luận khác: Vết xước da tại 1/3 giữa ngoài cẳng tay trái và đám bầm tím khuỷu tay phải không có quy định trong thông tư nên không xếp mức tổn thương cơ thể.

Tại Bản kết luận giám định số 98/KLTTCT-TTPY ngày 04/5/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh L đối với thương tích của Nguyễn Quyết T1 kết luận;

Các kết quả chính: Vết thay đổi sắc tố da vùng sau cổ nằm chệch chéo từ trên xuống; Vết thương đang liền vẩy nằm ngang vùng đỉnh vai trái kích thước (3x0,7)cm; Hai vết nằm trên một đường thẳng hướng từ sau cổ xuống vai trái.

Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Quyết T1 tại thời điểm giám định là 02%. Cơ chế hình thành thương tích: Chấn thương trực tiếp. Vật gây thương tích: Vật sắc. Kết luận khác: Không.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thu giữ mẫu màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt tại nền bép (mẫu M1), thu giữ của Trần Văn Q 01 con dao mũi nhọn (mẫu M2). Tại kết luận giám định số 3942/KL-KTHS ngày 07/6/2024 của V Bộ C, kết luận: Mẫu ký hiệu M1 gửi giám định là máu người và là máu của Bùi Quốc T, không phải máu của Nguyễn Quyết T1. Trên con dao ký hiệu M2 gửi giám định có bám dính máu người và là máu của Bùi Quốc T, không bám dính máu của Nguyễn Quyết T1.

Cáo trạng số 41/CT-VKSBT ngày 16/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố Trần Văn Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Q phạm tội Cố ý gây thương tích. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 584, 590 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Q phải bồi thường cho anh Bùi Quốc T từ 80 đến 85 triệu đồng. Về vật chứng, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ 01 con dao có tổng chiều dài 39cm, cán dao

bằng gỗ dài 14cm có ba đai kim loại màu trắng bạc, phần lưỡi dao dài 25cm, mũi dao nhọn; 01 con dao phát tổng chiều dài 59cm, cán dao bằng kim loại dài 40cm; 01 con dao tổng chiều dài 40cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, phần lưỡi dao dài 27cm; 01 đoạn gỗ khô vỏ màu nâu có tổng chiều dài khoảng 57cm, 01 đầu vát nhọn, 01 đầu đã bị cháy.

Tại phiên tòa bị hại Bùi Quốc T giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 130.000.000đ, bị cáo Q đã tác động gia đình bồi thường cho anh T số tiền 50.000.000đ. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù, đề nghị tuyên bị cáo bồi thường cho anh T những khoản chi phí có hoá đơn chứng từ tổng cộng từ 60 đến 65 triệu đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn Q khai nhận khoảng 18 giờ 30 phút ngày 27/4/2024 khi thấy anh T xô xát với mẹ mình là bà Đặng Thị L, nghĩ bà L bị anh T đánh nên bị cáo đã có hành vi dùng 01 con dao đâm trúng vào vùng bụng trái và chém vào cánh tay trái của anh T, dẫn đến hậu quả anh T bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 32%. Con dao bị cáo sử dụng gây thương tích cho anh T có đặc điểm: dài 39cm, cán dao bằng gỗ dài 14cm, phần lưỡi dao dài 25cm, mũi dao nhọn, thân rộng nhất 4cm, sống dao dày 0,4cm được xác định là hung khí nguy hiểm.

Bị cáo cho rằng nguyên nhân xảy ra sự việc là do bị cáo nghĩ anh T đánh bà L. Tuy nhiên kết quả điều tra cho thấy khi nhóm của anh T đến đòi tiền Trần Văn T2 không mang theo vũ khí hung khí, không có lời nói hay hành động đe dọa. Khi không đòi được tiền, cả nhóm đã ra về đến cổng thì bà L đi theo chửi, bà L giơ tay lên định tát chị L1 thì anh T giơ tay lên đỡ, bà L không bị anh T đánh. Khi xảy ra xô xát bị cáo đã không quan sát đánh giá sự việc mà ngay lập tức có hành vi sử dụng hung khí đâm anh T 01 nhát vào mạn sườn trái và chém anh T 01 nhát vào tay trái, khi anh T đã bỏ chạy bị cáo tiếp tục vung dao chém trúng vai trái anh Nguyễn Quốc T5. Như vậy có thể nhận thấy hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, thể hiện sự coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác.

Đối với anh Nguyễn Quyết T1 bị Q dùng dao chém gây tổn thương cơ thể là 02%, anh T1 có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự đối với Q nên cơ quan

điều tra không xử lý Q về hành vi gây thương tích cho anh T1. Như vậy hành vi của bị cáo gây thương tích cho anh T thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ”, do tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh T là 32% nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Cố ý gây thương tích với tình tiết định khung tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3]. Bị cáo Trần Văn Q là người có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật, bị cáo hiểu rất rõ mỗi cá nhân trong xã hội có quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, thân thể và được pháp luật bảo hộ về sức khỏe. Tuy nhiên bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì vậy cần phải có một mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền 50.000.000đ, do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản tiền gồm: Tiền viện phí: 3.377.940đ; Dịch vụ điều trị nội trú 345.000đ; Thu nhập bị mất: 21.182.500đ; Băng gạc phẫu thuật: 2.000.000đ; Taxi đưa đón 2 lượt: 600.000đ; T6 ăn cho 2 người trong viện: 3.400.000đ; Thu nhập bị mất của người chăm sóc: 4.250.000đ; Tiền chi khâu 02 lần: 3.700.000đ; Bồi dưỡng sức khỏe: 2.720.000đ; Tổn thất tinh thần: 35.000.000đ; Tiền thuốc tê khâu 5 mũi: 2.000.000đ; Tiền đạm truyền: 12.610.000đ; Tiền phòng yêu cầu 17 ngày: 6.800.000đ; Tiền thuốc giảm đau ngoài: 3.800.000đ; Tiền bồi dưỡng bác sĩ mổ: 7.000.000đ; Bồi dưỡng bác sĩ thay băng: 2.000.000đ; Thuê người chăm sóc vệ sinh tắm rửa sát khuẩn: 2.500.000đ; Thuốc bổ, điều trị ở viện: 7.850.000đ; Tái khám sau hậu phẫu dính ruột: 6.000.000đ; Tái khám sau khi mổ 3 tháng: 5.000.000đ. Tổng cộng là 132.335.440đ nhưng anh T chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 130.000.000đ. Bị cáo Q đề nghị được bồi thường theo quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xem xét từng khoản tiền như sau:

+ Tiền viện phí 3.377.940đ: Anh T đã cung cấp được bảng kê phí điều trị nội trú của Bệnh viện đa khoa tỉnh L với các khoản đã phải chi trả là 3.377.940đ, do đó yêu cầu này của anh T được chấp nhận.

+ Dịch vụ điều trị nội trú, anh T yêu cầu 345.000đ, khoản phí này có bảng kê của Bệnh viện đa khoa tỉnh L nên được chấp nhận.

+ Thu nhập bị mất trong thời gian nằm viện và sau khi ra viện: Theo xác nhận của Công ty cổ phần P thì anh T là công nhân của Công ty có mức thu nhập bình quân theo hợp đồng lao động là 572.500đ/ngày, anh T nghỉ làm từ ngày

27/4/2024 đến hết ngày 03/6/2024, do đó anh T yêu cầu bồi thường thu nhập của anh bị mất là: $572.500\text{đ}/\text{ngày} \times 37 \text{ ngày} = 21.182.500\text{đ}$ là có căn cứ chấp nhận.

+ Băng gạc phẫu thuật 2.000.000đ: Anh T khai khi mổ phải mua thêm băng gạc phẫu thuật, tuy nhiên khoản tiền này không có hoá đơn nên không được chấp nhận.

+ Taxi đưa đón 2 lượt 600.000đ: Mặc dù không có hoá đơn nhưng xét thấy chi phí này là hợp lý với khoảng cách di chuyển thực tế từ bệnh viện đa khoa tỉnh L đến nhà riêng anh T nên được chấp nhận.

+ Tiền ăn cho 2 người trong bệnh viện: Theo bệnh án anh T nhập viện hồi 19h05 phút ngày 27/4/2024, ra viện 15h30 ngày 13/5/2024 (16 ngày). Trong thời gian đó chị gái anh T là Bùi Thị Lệ T4 là người chăm sóc anh. Anh yêu cầu bồi thường tiền ăn cho 2 người 3.400.000đ là không hợp lý, Hội đồng xét xử chỉ xem xét phần chi phí phát sinh thêm do phải ăn uống tại bệnh viện cho 02 người là: $50.000\text{đ}/\text{ngày} \times 2 \text{ người} \times 16 \text{ ngày} = 1.600.000\text{đ}$.

+ Tiền công người chăm sóc: Trong thời gian anh T nằm viện có chị Bùi Thị Lệ T4 (địa chỉ: Thôn T, xã X) là người chăm sóc, theo xác minh về mức thu nhập bình quân của lao động tự do tại thôn T, xã X là 250.000đ/ngày, do đó tiền công người chăm sóc là: $250.000\text{đ}/\text{ngày} \times 16 \text{ ngày} = 4.000.000\text{đ}$

+ Tiền chi khâu 02 lần 3.700.000đ, anh T không cung cấp được hoá đơn nên không có căn cứ chấp nhận.

+ Bồi dưỡng sức khỏe: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 02/2022 thì trong thời gian anh T điều trị tại bệnh viện, anh được bồi thường chi phí bồi dưỡng sức khỏe mỗi ngày khám chữa bệnh được tính bằng 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám chữa bệnh: $160.000\text{đ}/\text{ngày} \times 16 \text{ ngày} = 2.560.000\text{đ}$

+ Tồn thất tinh thần 35.000.000đ: Theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự thì mức bồi thường thiệt hại về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm không quá 50 lần mức lương cơ sở. Hành vi của bị cáo đã gây tổn thương cơ thể cho anh T với tỷ lệ là 32%, do đó mức đề nghị bồi thường 35.000.000đ (xấp xỉ 15 lần mức lương cơ sở) là phù hợp cần chấp nhận.

+ Tiền thuốc tê khâu 5 mũi là 2.000.000đ: Không có hoá đơn không chấp nhận

+ Tiền đạm truyền 12.610.000đ không có hoá đơn. Theo anh T khai do anh phải mổ, không được ăn uống nên phải truyền dinh dưỡng hàng ngày. Nhận thấy bệnh án ghi rõ từ ngày 28/4 đến hết 30/4/2024 anh T phải nhịn ăn, do đó xem xét chấp nhận khoản tiền truyền dinh dưỡng cho anh T trong 3 ngày:

$1.000.000\text{đ}/\text{ngày} \times 3 = 3.000.000\text{đ}$.

+ Đối với các khoản tiền phòng yêu cầu 17 ngày: 6.800.000đ, tiền thuốc giảm đau ngoài: 3.800.000đ, tiền bồi dưỡng bác sĩ mổ: 7.000.000đ, bồi dưỡng bác sĩ thay băng: 2.000.000đ, thuê người chăm sóc vệ sinh tắm rửa sát khuẩn: 2.500.000 do không có hoá đơn nên không được chấp nhận.

+ Thuốc bổ: 7.850.000. Anh T cung cấp hoá đơn mua hàng một số loại thuốc bổ tại nhà T, xét thấy anh T bị thương phải phẫu thuật nên việc tăng cường dinh

dưỡng để phục hồi sức khỏe là cần thiết nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền mua thuốc bổ.

Ngoài ra anh T có cung cấp được hoá đơn mua vật tư y tế gồm bông, băng, cồn, gạc... tổng cộng 2.200.000đ sử dụng sau khi mổ nên cần chấp nhận. 02 đơn thuốc theo anh T khai anh đã mua 01 đơn hết 980.000đ và 01 đơn khoảng 700.000đ, xét thấy 02 đơn thuốc không ghi rõ số tiền tuy nhiên xác định đây là chi phí thực tế anh đã chi nên cần chấp nhận.

+ Tái khám sau hậu phẫu dính ruột và tái khám sau khi mổ:

Theo anh T khai sau khi mổ một thời gian, từ ngày 11/6 đến 14/6/2024 anh phải nhập viện để điều trị do bị đau bụng dính ruột, trong thời gian đó chị T7 trông nom anh 01 ngày đầu tiên, và bản thân anh vẫn tranh thủ thời gian đến công ty làm việc. Tại phiên toà anh có cung cấp được thêm chứng cứ mới là giấy ra viện và bảng kê các chi phí, dịch vụ điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh L. Hội đồng xét xử xem xét cho anh các khoản chi phí như sau: Chi phí điều trị theo bảng kê là 80.000đ + 597.917đ = 677.917đ; Tiền ăn bồi dưỡng là: 50.000đ/ngày x 3 ngày = 150.000đ; Tiền công người chăm sóc 01 ngày là 250.000đ; Tiền bồi dưỡng sức khỏe trong 3 ngày: 160.000đ/ngày x 3 ngày = 480.000đ. Ngoài ra anh T yêu cầu bồi thường tiền tái khám sau mổ là 5.000.000đ, hiện anh T chưa thực hiện tái khám nên không có căn cứ xem xét.

Tổng cộng các khoản tiền chi phí hợp lý nêu trên là: 84.953.357đ.

Như vậy cần buộc bị cáo Trần Văn Q phải bồi thường cho bị hại Bùi Quốc T số tiền 84.953.357đ, xác nhận bị cáo đã bồi thường tại phiên toà cho anh T số tiền 50.000.000đ, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 34.953.357đ.

[6]. Vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con dao có tổng chiều dài 39cm là con dao Trần Văn Q sử dụng làm hung khí gây thương tích cho anh T. Ngoài ra có 01 con dao phát tổng chiều dài 59cm, cán dao bằng kim loại dài 40cm và 01 con dao tổng chiều dài 40cm, cán bằng gỗ dài 13cm theo bị cáo Q khai là 02 con dao anh T đã cầm nhưng không gây thương tích cho ai. Các con dao trên đều thuộc sở hữu của ông H bà L, đến nay ông H bà L không đề nghị nhận lại dao nên cần tịch thu tiêu huỷ. Cơ quan điều tra có thu giữ 01 đoạn gỗ khô dài 57cm, theo bà L khai bà đã sử dụng vạt trúng tay anh T, vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

[7]. Các vấn đề khác:

Liên quan tới vụ án có anh Nguyễn Quyết T1 bị Trần Văn Q dùng dao chém 01 nhát gây tổn thương cơ thể là 2%. Do anh T1 không đề nghị khởi tố vụ án nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm của Q về hành vi gây thương tích cho anh T1 là đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Q và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho anh T1 số tiền 2.000.000đ, anh T1 không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Khi sự việc xô xát xảy ra, bà Đặng Thị L có hành vi dùng gậy đánh Bùi Quốc T và Trần Văn T2 cũng có hành vi dùng tay đấm 02 phát vào mặt anh T nhưng không gây thương tích cho anh T. Bị cáo Q không hô hào, xúi giục bà L và T2 đánh anh T nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm của bà L và T2 là đúng pháp luật. Số tiền ông H bà L đã bồi thường thay cho bị cáo gồm 2.000.000đ bồi thường cho anh T1 và 50.000.000đ bồi thường cho bị hại đến nay ông bà không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của bị hại: Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, tuy nhiên xét thấy tại phiên toà bị cáo đã thực hiện bồi thường được một phần thiệt hại cho bị hại nên cần xem xét thêm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bị hại từ 60 triệu đến 65 triệu đồng là chưa thoả đáng. Ngoài ra bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội: “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 28/4/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 590 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Trần Văn Q phải bồi thường cho bị hại Bùi Quốc T số tiền 84.953.357 đồng, xác nhận bị cáo đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 34.953.357 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu huỷ:

- 01 con dao có tổng chiều dài 39cm, cán dao bằng gỗ dài 14cm có ba đai kim loại màu trắng bạc, phần lưỡi dao dài 25cm, mũi dao nhọn, thân dao rộng nhất 4cm sống dao dày 0,4cm, bề mặt dao đã hoen rỉ nhiều chỗ, dao cũ đã qua sử dụng.

- 01 con dao phát tổng chiều dài 59cm, cán dao bằng kim loại dài 40cm là dạng ống tuýp kim loại sáng màu, phần lưỡi dao màu đen cong hình lưỡi liềm, bề mặt hoen rỉ sứt mẻ một số chỗ, lưỡi dao nhọn, dao cũ đã qua sử dụng.

- 01 con dao tổng chiều dài 40cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, phần lưỡi dao dài 27cm, thân dao rộng nhất 07cm, đầu dao bằng, lưỡi dao mẻ một số chỗ, dao cũ đã qua sử dụng.

- 01 đoạn gỗ khô vỏ màu nâu có tổng chiều dài khoảng 57cm, 01 đầu vát nhọn, 01 đầu đã bị cháy.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.747.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 1.947.600 đồng.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- Công an huyện Bảo Thắng (2);
- Sở tư pháp tỉnh LC;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- Chi cục THADS huyện Bảo Thắng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh